

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 5 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Th, xã T3, huyện Th1, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đoàn Tiến H, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 04/5/2010. Sau khi kết hôn tình cảm giữa vợ chồng chỉ hạnh phúc

được khoảng 04 năm, thì không còn hạnh phúc mà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, anh H không tin tưởng, tôn trọng chị, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Tháng 02/2021 giữa vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, anh H nhiều lần xúc phạm, đánh đập chị, nhưng chị vẫn cố chịu đựng chung sống để nuôi con. Đến tháng 10/2021 do không thể chịu đựng được nữa tính cách của anh H, nên chị bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Th xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Đoàn Phương L, sinh ngày 01/7/2010 và Đoàn Thị L Đ, sinh ngày 15/4/2019; cháu Phương L hiện Đg ở với anh H, còn cháu L Đ Đg ở với chị. Ly hôn quan điểm của chị Th là đề nghị Tòa án giải quyết giao cho mỗi người đều được nuôi con, chị xin được trực tiếp nuôi cháu L Đ, vì cháu Đg còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn; chị đồng ý giao anh H được quyền trực tiếp nuôi cháu Phương L. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đoàn Tiến H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 04/5/2010 như chị Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng hạnh phúc, được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình. Từ tháng 10/2021 vợ chồng đã ly thân đến nay. Nay chị Th yêu cầu giải quyết ly hôn, quan điểm của anh H là: Tại bản tự khai ngày 15/02/2022 anh H có quan điểm là đồng ý ly hôn. Tuy nhiên các lời khai tại các buổi làm việc sau đó tại Tòa án, anh H thay đổi quan điểm, có ý kiến không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Đoàn Phương L, sinh ngày 01/7/2010 và Đoàn Thị L Đ, sinh ngày 15/4/2019. Ly hôn, quan điểm của anh H là anh xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh H xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2022 cháu Đoàn Phương L có ý kiến, thể hiện nguyện vọng muốn được ở với bố (anh H), nếu bố mẹ ly hôn.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 24/3/2022, đại diện Ủy ban nhân xã X cho biết: Chị Lê Thị Th và anh Đoàn Tiến H có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 04/5/2010. Chị Th và anh H có 02 con chung là Đoàn Phương L, sinh ngày 01/7/2010 và Đoàn Thị L Đ, sinh ngày 15/4/2019. Quá trình chung sống giữa chị Th và anh H có mâu thuẫn hay không, mâu thuẫn như thế nào, địa phương không biết được. Chị Th đã bỏ về sinh sống tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân từ nhiều tháng nay.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Đoàn Tiến H. Về con chung: Giao con chung là cháu Đoàn Thị L Đ, sinh ngày 15/4/2019 cho chị Lê Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Đoàn Phương L, sinh ngày 01/7/2010 cho anh Đoàn Tiến H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị Lê Thị Th và anh Đoàn Tiến H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lê Thị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Th khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Đoàn Tiến H, cư trú tại: Thôn Hố Dăm, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Đoàn Tiến H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Đoàn Tiến H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/5/2010, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó tình cảm giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng, chia sẻ với nhau, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 11/2021 mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng hơn, nên vợ chồng đã ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; tại bản tự khai ngày 15/02/2022 anh H có ý kiến đồng ý ly hôn, tuy nhiên các lời khai sau đó anh H thay đổi quan điểm, theo đó có ý kiến không đồng ý ly hôn. Tại

phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, điều đó thể hiện anh H không quan tâm đến việc Tòa án Đg giải quyết vụ án và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Th, xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Đoàn Tiến H.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Th và anh Đoàn Tiến H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Đoàn Phương L, sinh ngày 01/7/2010 và Đoàn Thị L Đ, sinh ngày 15/4/2019.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị Th và anh H, thấy rằng: Cả 02 con chung của vợ chồng đều Đg ở độ tuổi cần phải có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; trong khi chị Th và anh H đều có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi con. Do đó để đảm bảo quyền được nuôi con của hai bên vợ chồng sau ly hôn cần thiết giao cho cả hai anh chị mỗi người đều được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Phương L có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với bố (anh Hoài); còn cháu L Đ hiện Đg còn nhỏ, mới hơn 3 tuổi, nên rất cần có sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, thực tế cháu Phương L cũng Đg ở với anh H, cháu L Đ Đg ở với chị Th. Do đó, chấp nhận ý kiến của chị Th, giao con chung là cháu L Đ cho chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Phương L cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, như vậy là phù hợp với nguyện vọng của con và đảm bảo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Th và anh H mỗi người đều đã trực tiếp nuôi 01 con chung; quá trình giải quyết chị Th, anh H đều có ý kiến không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó chị Th và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Th và anh Đoàn Tiến H đều có ý kiến thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Đoàn Tiến H.

2. *Về con chung*: Chị Lê Thị Th và anh Đoàn Tiến H có 02 (hai) con chung là các cháu Đoàn Phương L, sinh ngày 01/7/2010 và Đoàn Thị L Đ, sinh ngày 15/4/2019.

Giao con chung là Đoàn Thị L Đ cho chị Lê Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là Đoàn Phương L cho anh Đoàn Tiến H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Th và anh Đoàn Tiến H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị Th và anh Đoàn Tiến H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014071 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Lê Thị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến